

ĐỐI DIỆN VỚI TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

(Báo cáo đọc tại Hội thảo Mùa Hè ở Đại học New York từ ngày 7 đến 11 tháng 7'2000)

Tương Lai

I. THỬ NHÌN NHẬN VỀ TOÀN CẦU HÓA.

Là một nước đang phát triển, ở trình độ kinh tế còn rất thấp, Việt Nam đang đối diện với bối cảnh của những mối quan hệ quốc tế vượt qua mọi biên giới quốc gia, vươn tới quy mô toàn thế giới với một trình độ và chất lượng mới khác với quá trình quốc tế hóa từ nửa đầu thế kỷ XX trở về trước, **quá trình toàn cầu hóa**. Tuy mới xuất hiện chừng hai thập kỷ nay nhưng với sức lan tỏa rất mạnh mẽ, toàn cầu hóa đang trở thành một chủ đề được tranh cãi dữ dội ở khắp mọi nơi với những ý tưởng đối nghịch nhau một cách quyết liệt (1). Cuộc biểu tình rầm rộ phản đối WTO trong Hội nghị Seattle hồi tháng 11 năm ngoái là một ví dụ. Động cơ, lý do và đòi hỏi của các lực lượng chống toàn cầu hóa rất khác nhau, nhiều khi mâu thuẫn với nhau. Lý do của sự phản đối cực kỳ đa dạng và phức tạp, từ ý thức hệ chính trị đến tôn giáo, đạo đức, bảo vệ môi trường, bảo hộ mậu dịch và cạnh tranh thương mại ...

Nhiều người trong giới trí thức Châu Âu chống toàn cầu hóa vì xem toàn cầu hóa cũng có nghĩa là “Mỹ hóa” nhằm áp đặt lên toàn thế giới mô hình “xã hội thị trường” và văn hóa tiêu thụ đại chúng “nông cạn” của Mỹ, làm mờ nhạt và thui chột các nền văn hóa dân tộc lâu đời. Các nước đang phát triển thì chống lại những khía cạnh bất bình đẳng trong quan hệ mậu dịch thế giới (ví dụ như Âu Mỹ thì bảo hộ và yểm trợ nông nghiệp của mình nhưng lại đòi các nước đang phát triển phải mở cửa thị trường và tôn trọng bảo vệ sở hữu trí tuệ), chống lại tính đầu cơ và bất ổn định trong việc tự do hóa dòng chảy tư bản ngắn hạn. Ở các nước công nghiệp phát triển phong trào chống toàn cầu hóa lại đi từ những đòi hỏi phải bảo hộ mậu dịch chống các nước đang phát triển (qua những đòi hỏi về tiêu chuẩn lao động và môi trường của các công đoàn và tổ chức phi chính phủ) đến việc chống lại mọi nỗ lực cải cách trong nước vì nó đe dọa các phúc lợi xã hội mà hiện nay ngân sách quốc gia không còn đài thọ nổi vì công nợ đã quá lớn. Một số sự chống đối có màu sắc cực “tả” như chống cơ chế thị trường, hoặc cực “hữu” như bài ngoại và kỳ thị các cộng đồng di dân thiểu số - đây là khẩu hiệu dân túy của các đảng phái tân phát xít đang bắt đầu xuất hiện trong chính trường châu Âu. Ở một số nước Hồi giáo lại muốn trở về với những quan hệ kinh tế phù hợp với luật Sharia; nhất là không chấp nhận việc trả và nhận lãi suất mà thay vào đó phải là việc chia lợi nhuận sau mỗi giai đoạn kinh doanh (4).

Ở Việt Nam, nếu nói một cách thật vắn tắt thì có thể nêu lên hai xu hướng đối nghịch trong sự đánh giá về toàn cầu hóa:

Một là, toàn cầu hóa chẳng qua chỉ là, hoặc ít nhất chủ yếu là, hậu quả về chính sách của vài siêu cường, trước hết là Mỹ muốn bành trướng sức mạnh và ảnh hưởng của mình ra toàn thế giới.

Hai là, toàn cầu hóa là xu thế khách quan không cưỡng lại được của thời đại, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của kinh tế và thị trường thế giới được thúc đẩy bởi những bước tiến như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ.

Dù dưới cách nhìn nhận nào thì toàn cầu hóa kinh tế là hiện tượng thực tế đang phát huy ảnh hưởng của nó, về chiều rộng cũng như về chiều sâu trên mọi châu lục, mọi quốc gia. Nếu xét đến các nguyên nhân tạo thành và các động lực thúc đẩy của toàn cầu hóa thì có thể thấy rằng tiến trình toàn cầu hóa cũng chỉ đang ở những bước đầu và người ta đã dự kiến những kịch bản biến chuyển khác nhau trong những thập kỷ tới đều có những khả năng trở thành hiện thực. Vì thế có thể nói rằng toàn cầu hóa là một hiện tượng “mở” đang vận động trên những chặng đường dài với biết bao diễn biến phức tạp và bất ngờ. Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng thác của những biến động đó.

Có thể nói, bản chất của toàn cầu hóa là một cuộc chơi, là một trận đấu, ai thông minh sáng suốt thì được nhiều hơn mất, ai dại khờ, sơ hở thì mất nhiều hơn được, có thể “được-mất” rất to nhưng hầu như không thể được hết hoặc mất hết. Chỉ có một tình huống chắc chắn mất hết, đó là khi co mình lại, đóng cửa vào, cự tuyệt toàn cầu hóa, khước từ hội nhập. Nếu có điều đó thì đó là chính sách tự sát. Đi ngược lại một xu thế của thời đại, dẫu đó là một xu thế phức tạp chứa đựng cả mưu đồ đen tối của siêu cường này, cường quốc nọ... không bao giờ là dấu hiệu của sự sáng suốt. Cự tuyệt toàn cầu hóa, ngỡ rằng có thể đóng cửa tự lực tự cường, nhưng sự thật lại bị mặt tiêu cực của toàn cầu hóa chi phối mà tự tước bỏ của mình điều kiện và khả năng chống trả. Như thế đúng là chưa đánh đã chịu thua, không vào trận tưởng yên thân nhưng thật ra lại phải gánh chịu sự thất bại nặng nề nhất, tức là bị loại trừ và cô lập (1)

Là một xu thế của thời đại, cho dù là xu thế khách quan, song xét đến cùng thì toàn cầu hóa cũng là do con người tạo ra, là kết quả phức hợp của nhiều yếu tố mà mỗi yếu tố cũng đều là sản phẩm của con người. Trong đó, có thể kể đến 3 yếu tố chính là: cách mạng khoa học và công nghệ, nền kinh tế thị trường hiện đại, chính sách có tính toán của Mỹ, của các cường quốc khác, của mọi quốc gia lớn nhỏ trên toàn thế giới. Vì thế, toàn cầu hóa và những quy tắc của nó trong từng thời kỳ phản ánh một sự so sánh lực lượng giữa các tác nhân vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau, biến đổi cùng với những biến đổi trong so sánh lực lượng giữa các tác nhân ấy. Cũng không thể không nói đến những biến đổi đột xuất làm đảo lộn diện mạo chính trị và kinh tế của thế giới trong vài thập niên cuối thế kỷ XX cũng là nhân tố đặc biệt quan trọng đẩy tới quá trình toàn cầu hóa.

Điều cần nhấn mạnh là, kinh tế thị trường với sự phát triển đa dạng ở nhiều tầng nấc khác nhau trên những quốc gia, khắp các châu lục, kéo theo nó sự tăng cường tự do hóa kinh tế và xu thế vừa hợp tác vừa cạnh tranh, trong một nền kinh tế thế giới đang chuyển thành nền kinh tế tri thức mà phần phi vật thể vượt xa gấp nhiều lần phần vật thể; mà sự quay vòng và biến đổi sở hữu của các luồng vốn lớn tính bằng giây chứ không chỉ bằng giờ bằng phút; mà nhân lực, rộng hơn nữa là con người với tổng thể khả năng và nhu cầu của con người ngày càng hiện rõ là nguồn lực chính yếu và mục tiêu cao nhất; mà sự phát triển bền vững,

với việc quan tâm bảo vệ môi trường sống cho các thế hệ mai sau trở thành mối lo toan hàng đầu của các quốc gia .

Có một thực tế không cần tranh cãi là nền kinh tế thực sự toàn cầu hóa (cạnh tranh toàn cầu trong thị trường đầu vào , đầu ra và tài sản doanh nghiệp) đã chiếm một nửa toàn bộ hoạt động kinh tế của loài người và đang tăng lên nhanh chóng, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến phần còn lại .

Nhớ lại thời điểm khởi đầu cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Châu Á, Greenspan, Cục trưởng Cục dự trữ liên bang Mỹ đã đưa ra nhận định: *“Cách đây chừng mười năm, một diễn biến trên một thị trường chứng khoán cần từ mấy giờ đến nửa ngày để tác động đến các thị trường chứng khoán khác trên thế giới. Bây giờ thì chỉ sau một vài phút, thậm chí nhanh hơn. Tốc độ ấy vượt quá sự ứng phó của con người”*.

Những thành tựu của công nghệ tin học và viễn thông đã làm tăng vọt các năng lực sản xuất và các luồng thông tin, kích thích cạnh tranh, thu hẹp khoảng cách không gian và thời gian tạo điều kiện cho quá trình toàn cầu hóa . Những thương vụ về ngoại tệ lớn gấp hơn trăm lần giá trị tất cả các trao đổi trên thế giới về của cải và dịch vụ.. Nền kinh tế Internet được hình thành do sự tiến bộ vượt bậc và sự hội tụ của các ngành công nghệ tính toán, viễn thông, số thức và Internet/WWW cùng việc áp dụng phổ biến các công nghệ này trong mọi hoạt động kinh tế xã hội mà thương mại điện tử đang là một ví dụ tiêu biểu . Ở đây thể hiện rõ nhất những áp lực thôi thúc các doanh nghiệp phải nhanh chóng thích ứng và vận dụng sáng tạo các thành tựu kỳ diệu của công nghệ Internet/WWW. Việc tái cấu trúc doanh nghiệp từ vị thế bán hàng hóa vật chất thành cung cấp dịch vụ tạo ra mối quan hệ lâu bền với khách hàng như Công ty Electrolux của Thụy Điển đang làm là một chiến lược quan trọng thúc đẩy các công ty hoạt động trong nền kinh tế cũ tham gia vào nền kinh tế mới toàn cầu hóa . Một hệ thống mở cho toàn cầu nhằm tạo điều kiện cho **cung** thỏa mãn **cầu** như General Motors , Ford và Daimler-Chrysler đang tiến hành với việc công bố sẽ hợp nhất các hệ thống cung ứng Internet của mình nhằm hình thành một hệ thống trao đổi cung ứng cho ngành công nghiệp ô tô với hàng vạn công ty cung ứng vật liệu, bán thành phẩm, máy móc, thiết bị cũng như các đại lý bán xe và các công ty ô tô khác . Và rồi tiếp theo đó, Toyota, Renault, Fiat, Nissan, Mitsubishi và Mazda cũng vừa thông báo sẽ tham gia hệ thống này (4).. Cũng cần thấy rằng toàn cầu hóa về tài chính có khả năng mang lại những nguồn vốn lớn cho các nước đang phát triển nếu các nước này biết cách khai thác một cách khôn ngoan, tận dụng được những cơ hội và tránh được những hiểm họa.

Tóm lại, toàn cầu hóa là một sự kiện phức hợp, được tạo nên bởi nhiều nhân tố , trong đó nhân tố rất quan trọng là các chính sách của các quốc gia trên thế giới . Toàn cầu hóa cũng chính là cơ hội lớn chứa trong nó thách thức lớn , và thách thức lớn chứa trong nó cơ hội lớn .

Vấn đề là , dám đối diện với thách thức để đón lấy thời cơ .

II. CHỦ ĐỘNG VẬN DỤNG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Rõ ràng là, dù muốn ,dù không thì quá trình toàn cầu hóa cũng đang tác động đến chiều hướng vận động và phát triển của Việt Nam khi Việt Nam “*muốn là bạn với thế giới*”. Vì thế , Việt Nam không phải chỉ tham gia mà là ***phải chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa kinh tế, chủ động tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế*** . Chỉ có như vậy Việt Nam mới có thể vươn lên, tránh khỏi nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với khu vực và thế giới .

Cũng chính vì thế , chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa để tìm cách khai thác những khả năng có thể khai thác được nhằm tạo ra những tiền đề cần thiết cho việc phát huy sức mạnh bên trong để nhanh chóng bứt lên , tạo ra nhịp tăng trưởng và phát triển nhanh với chất lượng và hiệu quả cao.Đó là con đường phát triển ,sáng tạo, rút ngắn theo kiểu “*vượt quá mà không đuổi kịp* “, con đường của ý chí vươn lên quyết nắm bắt và tận dụng thời cơ chứ không tự ru ngủ mình trong những lối mòn cũ kỹ quen thuộc đã lỗi thời !

1.Hướng đến tính nhân bản của toàn cầu hóa .

Khi chủ động tham gia và vận dụng xu thế toàn cầu hóa , Việt Nam cần hướng vào việc ***thực hiện một sự toàn cầu hóa có bộ mặt của con người , bộ mặt nhân bản*** như chủ trương được nêu lên trong “**Báo cáo toàn cầu năm 1999 về phát triển của con người**“ củaUNDP. Trong báo cáo đó,UNDP đã đề ra là phải cải cách quản lý cả ở tầm quốc gia và toàn cầu,xoay quanh cái trục chính là phát triển con người và công bằng xã hội theo mấy hướng chính :

- Tăng cường các chính sách và hành động thúc đẩy sự phát triển con người phù hợp với thực tế của nền kinh tế thế giới
- Khắc phục những nguy cơ do sự phi phỏng để bóc hơi về tài chính , giảm thiểu các cú sốc và những tổn hại đối với con người .
- Mở rộng ứng dụng công nghệ hiện đại có lợi cho sự phát triển con người và đẩy lùi sự nghèo khổ .
- Đảo ngược quá trình gạt các nước nhỏ và nghèo ra ngoài lề.
- Sửa chữa những mất cân đối trong quản lý toàn cầu bằng cách cố gắng tạo ra một hệ thống có tính tổng thể hơn.
- Xây dựng một cấu trúc quản lý toàn cầu nhất quán hơn và dân chủ hơn cho thế kỷ 21.

Làm được như vậy là đưa quá trình toàn cầu hóa phục vụ con người chứ không phải chỉ phục vụ lợi nhuận . Một sự toàn cầu hóa như vậy sẽ đảm bảo được những điều kiện cơ bản : ***hợp đạo đức , công bằng , hội nhập không loại trừ , an toàn cho mọi người , bảo vệ môi trường và phát triển.*** (10)

Để thực hiện một kịch bản toàn cầu hóa như vậy thật không đơn giản .Đây sẽ là một cuộc đấu tranh giữa các lực lượng đối nghịch nhằm vào các mục tiêu lợi ích khác nhau.Tuy nhiên , không thể không thấy rằng sự phát triển bền vững, với sự tôn vinh con người là nguồn lực chính,với mối quan tâm đặc biệt đến môi trường xã hội và môi trường sinh thái đã nổi bật

lên từ thập kỷ 80 không phải là không có chút ảnh hưởng nào của tiến trình toàn cầu hóa . Ngược lại, đó là một hệ quả tích cực cần được ghi nhận cho dù cùng với sự ghi nhận đó là sự phê phán về khuynh hướng chỉ thiên về thị trường mà xem nhẹ Nhà nước , nhất là xem nhẹ xã hội mà như thế tức là chỉ vì lợi nhuận chứ không vì lợi ích của con người .

Cho nên, khi nói Việt Nam chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa , chủ động tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế ,tôi muốn nói rằng đó là quá trình không chỉ để thực hiện các nghĩa vụ và thụ hưởng các lợi ích từ toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế mà còn để góp phần **định hình toàn cầu hóa theo chiều hướng nhân bản,có lợi cho con người,cho người dân , nhất là người dân nghèo ở những nước nghèo** . Cũng có nghĩa là góp phần , cho dù là nhỏ bé, biến cái kịch bản tốt đẹp vừa nêu lên ở trên thành hiện thực của thế kỷ XXI .

Phải chăng là quá lãng mạn và ảo tưởng khi đặt ra chiến lược chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa , chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong lúc xuất phát điểm về kinh tế của Việt Nam đang còn rất thấp , GNP chỉ mới là USD 310/năm và để đuổi kịp bình quân đầu người của của khối ASEAN là USD 992,5/năm(theo thống kê của Tuần San Châu Á 20.3.2000) thì phải tăng trưởng với tốc độ 12,2% liên tục trong 10 năm ? Đương nhiên , DNP của khối ASEAN không dừng lại ở mức hiện nay ,nếu giả định tốc độ tăng là 5%/năm trong 10 năm thì với tốc độ phát triển liên tục giả định nêu trên ,Việt Nam phải cần đến 14 năm mới đuổi kịp bình quân đầu người của ASEAN !

Cần phải nhìn thẳng vào sự thật đó , nhưng cũng chính vì vậy phải quyết tìm cho ra hướng khắc phục tình trạng yếu kém của nền kinh tế hiện nay ,yếu kém của cơ cấu , yếu kém của thể chế . Thật ra thì hai vấn đề này có mối quan hệ hết sức chặt chẽ , chúng quy định lẫn nhau và ràng buộc mật thiết với nhau.Và một trong những giải pháp hết sức cơ bản là phải chủ động khai thác những khả năng có thể khai thác được trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế một cách khôn ngoan , không loại trừ những thất bại , thua lỗ tạm thời để giành được lợi thế trong tương lai. Không táo bạo giành lấy thế chủ động để tìm ra những bước đi khôn ngoan thì không sao vượt khỏi tình trạng tụt hậu và có nguy cơ bị gạt ra bên lề của con đường phát triển. Còn nếu chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa và tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế đúng đắn và có hiệu quả thì mới giữ vững được chủ quyền quốc gia , đảm bảo được sự phát triển bền vững về kinh tế,ổn định xã hội,gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ,thực hiện được mục tiêu dân giàu , nước mạnh , xã hội dân chủ ,công bằng ,văn minh .

Có một sự thật không thể không thừa nhận là trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu đã trở thành luật chơi của nền kinh tế thế giới thì giả dụ cho dù không muốn , các nước đang phát triển , trong đó có Việt Nam , cũng khó mà duy trì thị trường có bảo hộ để bảo vệ nền công nghiệp trong nước . Một khi mà kinh tế toàn cầu đã bước đầu mang tính kết mạng , thì muốn tham gia vào toàn cầu hóa , thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế , Việt Nam cũng như các nước đang phát triển khác cũng phải đạt được một số tiêu chuẩn tối thiểu nào đó để có thể có tiếng nói chung ,hội nhập được vào cuộc chơi chung . Trong đó ,tiêu chuẩn quan trọng nhất là sự am hiểu về luật chơi để chủ động xây dựng thể chế luật pháp phù hợp với thông lệ quốc tế , cái mà Việt Nam đang yếu kém , nhằm thu hút FDI để nâng cao năng lực phát triển của nền kinh

tế ,đảm bảo tự do kinh doanh và thực hiện các hợp tác song phương và đa phương trong các hợp đồng kinh doanh . Điều này quả thật không dễ.

Trong khi nhiều nước công nghiệp phát triển đang bước vào nền kinh tế tri thức thì Việt Nam mới đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa . Chúng tôi hiểu rõ rằng , công cuộc đó không phải chỉ khó khăn ở chỗ phải gấp rút xây dựng và phát triển một hạ tầng cơ sở như đường sá giao thông ,sân bay bến cảng ,bưu điện viễn thông ...mặc dầu đó là những yếu tố hết sức quan trọng mà nếu không có thì không thể có công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Cũng đúng khi cho rằng “*nền văn minh , đó là những con đường, những cảng và những bến cảng*” (Charles Seignobos) . Nhưng để xây dựng được những con đường , những cảng và những bến cảng thật hiện đại với một chất lượng hoàn hảo và chi phí tiết kiệm nhất , giá thành hợp lý nhất thì cái cần phải hiện đại hóa trước nhất , xem đó là điều kiện tiên quyết để thực hiện chúng lại là **con người và thể chế** . Những thói quen , tập quán thời bao cấp của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu đang là rào cản tiến trình công nghiệp hóa , hiện đại hóa , chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa và thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Đó là cung cách làm ăn chưa thật phù hợp với kinh tế thị trường, chưa phải là sản xuất theo yêu cầu kinh doanh, sản xuất để bán và phải có lãi . Vì thế chưa quan tâm đúng mức đến sức cạnh tranh của sản phẩm về chất lượng và giá thành. Hiện nay, hầu như hàng của ta đều có giá thành cao trong khi chất lượng thì lại chưa bằng với hàng hóa của các nước trong khu vực. Điều ấy chứng tỏ rằng sản xuất chưa xuất phát từ thị trường , vẫn in đậm dấu ấn của thời bao cấp, kế hoạch hóa và tự cấp , tự túc . Các doanh nghiệp lại chưa được tạo điều kiện để khai thác và tiếp nhận đầy đủ thông tin từ thị trường trong nước và quốc tế, mà thông tin thị trường lại là một trong những điều kiện tiên quyết của cạnh tranh thương mại trong bối cảnh hiện nay. Quản lý Nhà nước thì lại có biểu hiện tách rời sản xuất với thương mại. Mặt khác, phần lớn các doanh nghiệp lại có tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, đòi hỏi sự bảo hộ của Nhà nước mà còn thiếu tinh thần chủ động tìm kiếm thị trường, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm để có được sức cạnh tranh . Không giải quyết tốt vấn đề này thì xu hướng quay trở lại thời bao cấp sẽ có dịp tái sinh và sẽ lạc lõng, lạc điệu trước đòi hỏi của hội nhập kinh tế quốc tế.

Hiện đại hóa phải là một tiến trình văn hóa – xã hội vì nó thay đổi cả một kết cấu hạ tầng tâm lý xã hội (infrastructure socio-psychologique) đòi hỏi phải có thời gian . Không thể ngày một, ngày hai thay đổi được cả một nếp sống , nếp nghĩ , một lối mòn trong tư duy , những thói quen trong ứng xử của cả một xã hội . Nhất là khi mà lao động nông nghiệp chủ yếu là cơ bắp vẫn đang chiếm tỷ lệ đến hơn 73% trong tổng số lao động của cả nước , tâm lý tiểu nông manh mún, cục bộ, phân tán vẫn còn đậm nét trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống cả ở nông thôn và đô thị. Làm thay đổi tận gốc cung cách sinh hoạt và làm ăn của cả một xã hội vốn kéo dài triền miên trong nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu (thậm chí hiện nay ở nhiều nơi , trên đồng ruộng Việt Nam vẫn còn dùng cái cày chia vôi có từ thời Nhà Lý của thế kỷ XI) lại phải trải qua ngót nửa thế kỷ chiến tranh tàn khốc , đòi hỏi phải có những quyết sách táo bạo và giải pháp mạnh dạn , sáng tạo .

Con người Việt Nam đã được tôi luyện trong chiến đấu . Đó là cái vốn cực kỳ quý báu. Nhưng ,chiến tranh dù sao cũng là cái bất bình thường trong đời sống của một xã hội , con người buộc phải thích nghi với cái bất bình thường đó để tồn tại , nhưng rồi cuộc sống bình thường lại vẫn là nhịp đập quen thuộc trong đời sống của mọi tầng lớp cư dân , mọi nhóm xã hội , cuộc sống ấy vận hành theo những quy luật muôn thuở của nó. Những mặt mạnh , mặt yếu của con người được hình thành trên nền tảng kinh tế xã hội của một nước nông nghiệp lạc hậu đang cố gắng chuyển mình , tăng tốc để khỏi tụt hậu quá xa so với khu vực và thế giới .Những cái đó đang ghi dấu ấn trên mọi hoạt động kinh tế , khoa học ,giáo dục ,văn hóa , nghệ thuật ... Ghi đậm dấu ấn lên những thành tựu cũng như những thất bại , yếu kém của đất nước trong hơn một thập niên qua của công cuộc Đổi Mới và nay đang cố gắng chủ động đi vào trào lưu chung của thế giới .

Đã đến lúc phải nghiêm túc và mạnh dạn nhìn nhận và phân tích một cách sâu sắc những mặt mạnh và mặt yếu đó với một thái độ thực sự cầu thị . Đó là một đòi hỏi vừa bức xúc vừa lâu dài của việc thực hiện quyết sách chủ động hội nhập nói trên .

Nếu nói rằng **con người** với tổng thể khả năng và nhu cầu của con người ngày càng hiện rõ là **nguồn lực chính yếu và mục tiêu cao nhất của sự phát triển bền vững** đang là mối lo toan hàng đầu của các quốc gia , thì với Việt Nam , để có thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế , tham gia vào toàn cầu hóa , vấn đề nói trên càng có ý nghĩa hàng đầu .

Là một nước nghèo , đông dân , không có ưu đãi nào của thiên nhiên về tài nguyên phong phú đặc biệt như một vài nước trên thế giới thì , để bứt lên **chỉ có thể dựa vào con người, phát huy đến cao độ nguồn lực con người** . Muốn thế , phải khắc phục những nhược điểm cố hữu của” con người tiểu nông “vẫn tiềm tàng dai dẳng đang làm trở ngại cho công cuộc Đổi Mới , đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa .

Xin dẫn ra đây một số những điều mà theo thiên ý của chúng tôi là những nhược điểm cố hữu đó : Cần cù chịu khó nhưng **ít chịu cải tiến cách tân** , cần cù theo kiểu “*khéo tay hay làm*” nhưng lại **thiếu sự tính toán chính xác**”*được đâu hay đấy*”, “*lành làm gạo vỡ làm môi*” . Dễ dàng thích nghi nhưng lại chậm biến đổi ,kém sáng tạo “*trăm hay không bằng tay quen*” . **Trọng tình hơn lý , nhường nhịn hơn đấu tranh** “*một sự nhịn là chín sự lành*” , **nặng về tình nghĩa mà nhẹ về luật pháp** “*bên ngoài là lý nhưng trong là tình*” , cho nên dễ dàng hành xử **theo lệ hơn là theo luật** “*phép vua thua lệ làng*” . Thích nói đạo đức mà **chưa thực sự đề cao tài trí và coi thường chữ lợi cùng với nghề buôn và thương nhân** mặc dù vẫn biết rằng “*phi thương bất phú*”, chê bai “*trọc phú*” vô hình trung **đề cao tâm lý ghét giàu** , đồng nghĩa người giàu với người đi buôn là người ít chữ nghĩa , nên “*phú*” chưa đủ , phải “*quý*” nữa thì mới sang mặc dầu chữ quý này cũng là chữ quý bỏ tiền ra mua chứ không phải là do học hành . Có tinh thần hiếu học ,đó là truyền thống tốt đẹp song không thể không chỉ ra điểm bất cập trong tinh thần hiếu học đó , là **học để làm quan** , để trút bỏ được thân phận “*chân lấm tay bùn*” hơn là học để làm . Ưu điểm hiếu học vì vậy cũng dễ chuyển thành thói **hiếu danh , học để lấy bằng** chứ chưa phải là học để biết và biết để làm cho tốt , có hiệu quả , năng suất cao ; chỉ biết một hướng tiến thân duy nhất qua thi cử cho nên mới có chuyện “*cay quá đòn hần*”

,*rất hơn phải bằng*” với chuyện hỏng thi ,chỉ thích làm thầy mặc dù là thầy dốt mà không chịu làm thợ,cho dù là thợ giỏi Đấy là chưa nói đến cái học từ chương để luyện cho con người đầu óc sao chép mà kém trí tưởng tượng, một phẩm chất cực kỳ cần thiết cho khám phá ,sáng tạo để tìm ra con đường riêng của mình ,tự bay cao ,bay xa . Chọn ăn chắc mặc bền mà ít **dám phiêu lưu mạo hiểm** (một nước có đến hơn ba nghìn cây số bờ biển mà đã ra đến sát mép nước Biển Đông rồi vẫn thích “*ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà đã quen*”) .**Trọng danh hơn thực** theo kiểu “*một miếng giữa làng* “ vì vậy mà **kém tinh thần thực nghiệp**,ít đầu tư trí tuệ và tài năng cho việc làm ra ngày càng nhiều của cải vật chất ,mà lại dồn sức cho việc **chạy theo hư danh, phù phiếm** , chẳng thế mà dư luận xã hội lại đề cao những tấm gương suốt đời đi thi không đỗ, ngoài sáu , bảy mươi tuổi vẫn “*cố đấm ăn xôi*” cứ cố lều chõng vất vát may ra giật được bảng vàng , đi thi được xem là có tinh thần hiếu học ,không ngại chuyện “*hổ bút , hổ nghiên ; tử lều , tử chõng* “. Đường như chưa hề có lấy một lời phê phán sự phí phạm tuổi đời cho một mục tiêu hư ảo...

Dẫn ra những nhược điểm cố hữu đó vì dưới nhiều biểu hiện khác nhau , chúng đang tái sinh bằng những tên gọi khác nhau trong cuộc sống đương đại giữa một bối cảnh của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế , chúng trở thành những vật cản ghê gớm .

Chẳng hạn như , *trọng nông ức thương , miệt thị nghề buôn* gắn liền với việc coi trọng chữ “*nghĩa*” mà coi khinh chữ “*lợi*” đẩy tới thái độ tự nạn “*ghét giàu*”trong tâm lý tiểu nông truyền thống , được làm trầm trọng thêm với quan điểm của một thời , đối lập thị trường với Chủ nghĩa Xã hội và nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung , coi thương nhân là bọn “con buôn “ bóc lột , quy ghép doanh nhân đồng nghĩa với giai cấp tư sản cần “cải tạo”, cần “kiểm tra hành chính”...đã làm triệt tiêu khá nhiều ý chí và năng lực kinh doanh của người Việt Nam . Cho nên ngay hiện nay , khi doanh nghiệp đang được kêu gọi đầu tư phát triển thì trên thực tế vẫn đang thiếu vắng một đội ngũ những doanh nhân tầm cỡ đủ sức là đối tác có trọng lượng với các nhà đầu tư nước ngoài .Đấy đó đã xuất hiện những kiến nghị cần “tôn vinh” nhà doanh nghiệp , những người xung kích trong nền kinh tế thị trường , nhưng nhìn chung ,trong dư luận xã hội cũng như trong hệ thống thang bậc giá trị , nhóm xã hội này vẫn chưa có được sự đánh giá xứng đáng .

Một ví dụ khác ,tâm lý trọng “*danh*”hơn “*thực*” đang được phơi bày trong thói hư danh làm ô nhiễm bầu không khí xã hội mà lâu nay báo chí không ngớt phê phán về tệ mua bằng bán điểm ,xin học hàm ,chạy học vị và trong nhiều trường hợp lại duy trì việc **cử** trước **thi** sau khiến cho vấn đề trên càng trở nên trầm trọng vì người ta phải chạy cho được văn bằng để hợp thức hóa việc đề bạt và bổ nhiệm chức vụ mới . Cho nên có hiện tượng “*lạm phát*” người có bằng cấp ,học vị , nhưng lại thiếu trầm trọng những nhà quản lý,nhà doanh nghiệp có năng lực, biết điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh ,quản lý các hoạt động xã hội . Hiện tượng “*thừa thầy , thiếu thợ*” có lẽ là một minh chứng khá tiêu biểu cho tâm lý nói trên:”*số thạc sĩ,tiến sĩ,thực tập sinh được đào tạo những năm gần đây nhiều gấp đôi công nhân bậc 7...,nếu chỉ tính những sinh viên học nghề theo đúng nghĩa,số lượng hiện nay còn lại chưa bằng một phần năm so với ngày đất nước thống nhất...nếu năm 1991,ngân sách dành cho*

đào tạo nghề chiếm 8,7% ngân sách giáo dục thì từ năm 1996 đến nay, con số này chỉ còn từ 4 đến 4,5%...và hệ thống trường nghề thì 90% chỉ còn “cái tên” là tồn tại (LaoĐộng26.6.2000)

Chính sự yếu kém từ hai dẫn chứng nói trên giải thích sự yếu kém của bộ máy quản lý Nhà nước và sự yếu kém của nền kinh tế . Nhiều chủ trương chính sách dù đúng đắn vẫn khó đi vào cuộc sống , chúng dễ bị triệt tiêu qua các tầng nấc trung gian của đội ngũ cán bộ , công chức thiếu năng lực và thiếu phẩm chất .

Một nhà toán học hàng đầu của Việt Nam ,người mà cách đây 11 năm ,ngày 20.1.1989 , đã đưa ra **Kiến nghị về “Phương pháp luận xây dựng chiến lược kinh tế xã hội “** ,giáo sư Hoàng Tụy , gần đây đã đưa ra nhận xét về những điểm yếu của con người Việt Nam đối diện với những thách thức của nền kinh tế toàn cầu hóa , đó là thiếu ”*đầu óc kinh doanh hiện đại , cung cách làm ăn lớn,tính toán nhìn xa trông rộng, táo bạo , nhạy cảm và năng động với cái mới, thích ứng mau lẹ để xoay chuyển tình thế khi gặp khó khăn, bền bỉ và quyết tâm theo đuổi đến cùng một sự nghiệp được yêu thích, miệt mài học tập,ngẫm nghĩ và phân tích sâu sắc, nghiên cứu nghiêm túc để tìm hiểu căn kẽ đạo lý của mọi vấn đề. Có lẽ do quá lâu quen sống trong cảnh nghèo thiếu nên người dân ta nhiều khi dễ nhẫn nhục an phận , dễ bằng lòng với những thay đổi nhỏ, những suy tính cá nhân hời hợt,thiếu cận theo lối cò con. Vì không cực đoan nên ít có đồ võ lớn,nhưng dễ bảo thủ,ít dám chấp nhận rủi ro tìm con đường mới,do đó cũng dễ lâm vào trì trệ triền miên. Không có thói quen tính toán hiệu quả,thiếu đầu óc thực tế,lại ham chuộng hình thức,chạy theo hư danh viển vông,kém khả năng và kinh nghiệm hợp tác,góp sức cùng nhau thực hiện một mục tiêu,một kế hoạch lớn,cho nên ít xây dựng được êkip mạnh về một lĩnh vực nào, thường chỉ có nhiều cá nhân giỏi làm việc riêng lẻ mà không hợp lại thành những tập thể hùng mạnh xuất sắc. Cộng đồng người Việt ở hải ngoại ít có người giàu thật lớn,ít có nhà khoa học thật tâm cỡ, thường chỉ đến một địa vị nào đó là thỏa mãn,một mối,ít khi đeo đuổi tham vọng thật cao xa . Tất cả những nhược điểm trên đều sẽ trở thành những lực cản không cho phép chúng ta tiến nhanh “.*(3) Những điều này , phần lớn đã được đề cập đến trong bản kiến nghị sâu sắc và đúng đắn nói trên .

Đã đến lúc con người Việt Nam phải có cái dũng khí dám nhìn thẳng vào những điểm yếu của mình đối chiếu với những yêu cầu của sự nghiệp mới , nhanh chóng đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu hơn nữa, khi mà hiện nay đã phải đứng vào hàng những nước nghèo nhất trong khối ASEAN,trong nhóm nước nghèo của thế giới . Một thái độ tự phản tỉnh, tự chỉ trích không phải là một thái độ tự ti , ngược lại chính là để xây dựng tinh thần tự tôn dân tộc , không chịu tụt hậu , để do đó mà có thái độ thực sự cầu thị , phấn đấu biến cái ý chí quật cường của một dân tộc quyết rửa cái nhục nô lệ đã từng làm nên những trang sử chói lọi trước đây , thành ý chí quyết tâm rửa cái nhục nghèo nàn , lạc hậu hiện nay , để có thể sánh vai cùng với bè bạn trong khu vực và trên thế giới . Đương nhiên , nói con người ,không bao giờ có thể tách ra khỏi cái chỉnh thể của nó: “**con người ,khung cảnh xã hội , hệ thống quản lý**”.

Để có con người đáp ứng với đòi hỏi của nhiệm vụ mới, thời đại mới, phải đổi mới cả cái chỉnh thể ấy. Không đổi mới cả chỉnh thể, chỉ kêu gọi giáo dục, đào tạo con người một cách chung chung thì mãi mãi cũng chỉ là khẩu hiệu suông , không sao có được con người với

tổng thể khả năng và nhu cầu của con người là động lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Nếu không có con người trong cái chỉnh thể được đổi mới đó, mà **trước hết là những thể chế** đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội để có thể chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa và thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế, thì cũng không thể có sự chủ động đó được. Không cải cách thể chế, khó mà tháo gỡ những trói buộc đối với con người nhằm phát huy tinh thần chủ động và sáng tạo của con người, loại bỏ những nhược điểm cố hữu đang là cản trở đối với sự nghiệp Đổi Mới, tạo điều kiện cho việc chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Con người đẻ ra các thể chế, rồi chính các thể chế đó lại quy định những hành vi ứng xử của con người. Tính bức xúc của đòi hỏi về cải cách thể chế hiện nay, trước hết là cải cách bộ máy hành chính, là do nhu cầu nội tại của cuộc sống muốn tháo gỡ những kìm hãm, trói buộc con người trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong suy nghĩ và sáng tạo để thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Đó là đòi hỏi một thể chế thể hiện thật sự quyền làm chủ của người công dân nhằm vào mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, cái quyền đã phải đổi lấy bằng xương máu của biết bao thế hệ.

Ấy thế mà, hiện nay đang tồn tại một nghịch lý: trong những thể chế đã được tạo ra đó, có những bộ phận, những yếu tố đang chống lại chính mục tiêu phát triển mà vì nó mà các thể chế được sinh ra, trước hết là bộ máy hành chính, các cơ quan quyền lực do *quyền lực* tạo ra. Những phản ứng và các dạng đối phó của nhiều tổ chức quyền lực từ cấp cơ sở lên đến một số cấp Bộ đối với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ 84 loại giấy phép “con” vừa qua là một ví dụ sinh động đối với việc đấu tranh loại bỏ những bất cập của những thể chế cũ kỹ, lạc hậu nhằm mở đường cho sự phát triển thật không đơn giản chút nào. Qua ví dụ này cũng thấy những thể chế hình thành từ cái mô hình kế hoạch hoá tập trung bao cấp “xin cho” rất lỗi thời nhưng cũng thật khó khăn để loại bỏ. Khó là vì cái cơ chế “xin cho” hết sức mất dân chủ ấy gắn liền với lợi ích của không ít những người đang có vị trí trong bộ máy quyền lực. Chính cái đặc quyền “cho” muốn duy trì cái cái cơ chế “xin”. Mà không loại bỏ được những bất cập đó thì cũng không tạo được những điều kiện cần và đủ cho việc chủ động thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Nói đến con người trong đòi hỏi của sự đổi mới cả cái chỉnh thể “con người, khung cảnh xã hội, hệ thống quản lý” cũng chính là nói đến vấn đề “**văn hóa – xã hội**” cơ bản nhất của Việt Nam hiện nay đối diện với toàn cầu hóa.

2. Khai thác tốt nhất các mối quan hệ song phương và đa phương

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là hai mặt của cùng một hiện tượng; tham gia toàn cầu hóa và thực hiện hội nhập quốc tế là hai cách nói khác nhau để diễn đạt một công việc, một tiến trình thống nhất. Như vậy là toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm các quan hệ song phương và đa phương (đa phương tiểu khu vực, khu vực, liên khu vực và toàn cầu). Có thể nói bộ ba toàn cầu hóa, khu vực hóa và quan hệ song phương là tam vị nhất thể trong điều kiện thuận lợi, chúng bổ sung và tăng cường cho nhau. Tuy nhiên không phải bao giờ cũng vậy. Có khi chúng trái chiều nhau, trở thành đối trọng của nhau. Diễn biến

của thực trạng khu vực cũng như thế giới đã cho thấy nhiều ví dụ . Vì thế phải tranh thủ các mối quan hệ song phương và đa phương trong những điều kiện chúng có mối tương tác hài hòa và thúc đẩy mạnh mẽ lẫn nhau. Trong đó, quan hệ song phương là rất cơ bản và quan trọng .

Việt Nam hiện có quan hệ kinh tế với 167 nước và tham gia trong 10 tổ chức đa phương. Khai thác tối đa các mối quan hệ song phương và đa phương đó để tranh thủ những nguồn lực, từ các nguồn vốn vật chất đến các nguồn tri thức và kinh nghiệm , bao gồm cả những đột phá sáng tạo về khoa học và công nghệ, về tổ chức và quản lý, về sản xuất và kinh doanh để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế, của từng doanh nghiệp , mà những cái đó lại đang là những yếu kém của Việt Nam hiện nay. Trong sự yếu kém đó thì đáng lưu ý nhất là chưa xác định được thật rõ vị trí hàng đầu của **yếu tố chất lượng ,yếu tố thời gian , yếu tố nâng cao giá trị gia tăng** để có sức cạnh tranh và hiệu quả cao .

Dương nhiên , để làm được những điều đó thì việc **chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế** là một trong những điều kiện quyết định . Và cũng chính ở đây , phải chủ động thực hiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế chính là vì hiệu áp lực được tạo ra từ yêu cầu hội nhập để có chiến lược thích hợp và hữu hiệu chuyển đổi cơ cấu kinh tế , sao cho quá trình chuyển đổi ấy ít đau đớn và không làm mất ổn định xã hội. Điều không thể không đặc biệt lưu ý là cuộc cạnh tranh hiện nay và sắp tới không phải chỉ là chiếm hữu đất đai, tài nguyên thiên nhiên, công cụ sản xuất, mà là chiếm hữ tài nguyên trí tuệ, độc quyền sở hữu trí tuệ.(7)

Chủ động thực hiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ,chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa cũng là sự khôn khéo vận dụng những ưu đãi và ngoại lệ dành cho các nước đang phát triển , các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi . Việt Nam không cường điệu và thiên lệch quá đáng những ưu đãi và ngoại lệ mà các tổ chức đa phương khu vực và toàn cầu đã ghi trong điều lệ, quy chế (và chừng nào trong hành động) cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi . Nhưng , Việt Nam kiên quyết đòi và biết vận dụng những ưu đãi và ngoại lệ ấy về :

- phạm vi cam kết (hẹp hơn)
- mức độ cam kết (thấp hơn)
- lộ trình cam kết (dài hơn)

Phạm vi hẹp đến đâu , mức độ thấp đến đâu , lộ trình dài đến đâu còn tùy thuộc theo từng lĩnh vực , thậm chí tùy thuộc đến từng sản phẩm . Tham gia vào toàn cầu hóa trong một hoàn cảnh còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm ,Việt Nam cũng như các nước đang phát triển khác , còn được quyền nhận sự “trợ giúp kỹ thuật” . Sự trợ giúp này cũng có thể là con dao hai lưỡi , song nếu biết tỉnh táo khai thác và sử dụng tốt thì chúng lại rất có ích trong những bước đi ban đầu . Làm được những điều đó chính là thực hiện tinh thần chủ động nói ở trên .

Như vậy cũng có nghĩa là, đổi mới kinh tế , chính trị ,văn hóa ,xã hội ở trong nước có mối quan hệ **vừa là nhân vừa là quả của nhau** với chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa kinh tế và tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế . Trong đó , tác nhân trực tiếp là **con người Việt Nam** , từng người dân , mọi tầng lớp xã hội và cả dân tộc mà **xung kích là các doanh nghiệp** Việt Nam . Nhận thức rõ những tác nhân trực tiếp này để có những chính sách và giải

pháp đúng đắn và sáng tạo để bồi dưỡng và phát huy, đặc biệt là lực lượng xung kích - các doanh nghiệp – đang là khâu trực tiếp nhất, nhưng cũng lại là khâu đang còn yếu hiện nay.

Đừng quên rằng, kinh tế thị trường càng phát triển thì vai trò của hoạt động kinh doanh càng quan trọng, trong nhiều trường hợp, thậm chí là còn quan trọng hơn cả hoạt động sản xuất trực tiếp. Chính vì vậy, để có thể chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế thì tài năng và bản lĩnh kinh doanh của các doanh nghiệp có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đó là năng lực nhanh nhạy phát hiện và tận dụng thời cơ, nắm bắt và kiến tạo những ý tưởng mới, biết khai thác và tổ chức các nguồn lực. Ở đây, sản phẩm tri thức của quản lý trở thành nhân tố hàng đầu.

Vì thế, vấn đề quyết định là làm cho từng người dân, cả dân tộc và lực lượng xung kích là các doanh nghiệp hiểu rõ, nắm vững, chiếm lĩnh và làm chủ tiến trình kép trong nước và đối ngoại này. Hiểu rõ, nắm vững, chiếm lĩnh và làm chủ cả trong nhận thức, trong quyết tâm và trong hành động với bản lĩnh dám nhập cuộc, không ngại rủi ro, sáng suốt giành thắng lợi.

III. CHỚP LẤY THỜI CƠ ĐỂ RÚT NGẮN KHOẢNG CÁCH:

Những thách đố trong việc vận dụng công nghệ tin học và viễn thông;

Hướng tới nền kinh tế tri thức

Chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa kinh tế trước hết là phải tranh thủ thời cơ, cố gắng chiếm lĩnh càng sớm càng tốt những thành tựu mới nhất của nền kinh tế thế giới, hệ quả trực tiếp của những bước tiến như vũ bão của khoa học và công nghệ thế kỷ 20.

Sự phát triển của tri thức gắn liền với lịch sử phát triển của loài người. Con người tạo ra tri thức và sử dụng tri thức để sống, để phát triển và hoàn thiện cuộc sống của mình. Tri thức được dùng để **sống**, rồi tiếp đó để **làm**, và đến giai đoạn hiện nay, tri thức có thêm một chức năng mới có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với kinh tế xã hội: dùng tri thức để **tạo tri thức**, chức năng mới này là nhân tố cơ bản làm nên bước chuyển biến mới, hình thành **nền kinh tế tri thức**. (2)

Trong bối cảnh loài người đi nhanh vào nền kinh tế tri thức, nước ta không thể bỏ lỡ cơ hội lớn, mà phải **đi thẳng vào nền kinh tế tri thức**, cho nên công nghiệp hóa ở nước ta phải **đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ cực kỳ lớn lao: chuyển biến từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức**. Hai nhiệm vụ ấy phải thực hiện đồng thời, lồng ghép vào nhau, hỗ trợ nhau, bổ sung cho nhau; điều đó có nghĩa là phải nắm bắt các tri thức và công nghệ mới nhất của thời đại để hiện đại hóa nông nghiệp, đồng thời với phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ dựa vào tri thức, vào khoa học và công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành kinh tế tri thức. Không thể chờ công nghiệp hóa hoàn thành cơ bản rồi mới chuyển sang kinh tế tri thức như các nước đi trước đã phải trải qua vì thời bấy giờ chưa có tri thức mới và công nghệ mới ngày nay. Đó là lợi thế các nước đi sau. Như vậy nền kinh tế nước ta phải phát triển theo **mô hình hai tốc độ**: vừa phải lo phát triển nông nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất những ngành

công nghiệp cơ bản , lo giải quyết những nhu cầu cơ bản và bức xúc của người dân; vừa phải phát triển nhanh những những ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin để hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo ngành nghề mới, việc làm mới, đạt tốc độ tăng trưởng cao, hội nhập có hiệu quả với nền kinh tế thế giới. (5)

Khi nói rằng nền kinh tế nước ta phải phát triển theo **mô hình hai tốc độ**, chúng ta hiểu rằng việc chuyển biến có ý nghĩa toàn cầu từ nền kinh tế và xã hội công nghiệp sang nền kinh tế tri thức không xuất phát từ nhu cầu của các nước nông nghiệp, đang phát triển như nước ta. Nhưng trong điều kiện của toàn cầu hóa về kinh tế, nó có ảnh hưởng mạnh mẽ, lôi cuốn tất cả mọi quốc gia, trong đó có nước ta, bằng cách này hay cách khác, tham gia vào dòng chảy của sự chuyển biến đó. Vì chưa có điều kiện để tham gia một cách thật chủ động nên những thiệt thòi và rủi ro là không tránh khỏi, nhưng mặt khác, sự chuyển biến lần này chứa đựng trong nó rất nhiều những thành tựu to lớn của khoa học và công nghệ, của trí tuệ loài người về kinh tế xã hội mà chúng ta có thể khai thác, tiếp thu, sử dụng để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế xã hội, bứt lên khỏi xuất phát điểm quá thấp hiện nay, đạt tới những mục tiêu mong muốn .

Vả chăng,sự tham gia của con người đang tư duy trong các hệ thống kinh tế và xã hội có tính chất hai chiều : vừa là *thụ động* với tư cách người tìm hiểu và suy nghĩ về hệ thống , vừa là *tích cực* với tư cách người tham gia quyết định có ảnh hưởng đến hành vi và kết quả của hệ thống. Hai tư cách đó được thực hiện đồng thời. Và do là đồng thời, nên thường gặp những tình huống mà con người khi suy nghĩ để làm quyết định không thể dựa vào tri thức đầy đủ và chính xác về hệ thống, đơn giản là vì chưa hề có những tri thức như vậy, tình trạng của hệ thống còn phụ thuộc vào chính quyết định của những người tham gia. Vì vậy, kết quả thường khác với dự kiến, do đó, lại thêm một yếu tố bất định cho bước suy nghĩ tiếp theo .

Sự phát triển nhanh chóng và ứng dụng rộng rãi **công nghệ thông tin** đã góp phần quan trọng cho việc tạo ra những nhân tố năng động mới của nền kinh tế và xã hội mà chúng ta đang sống , đẩy tới sự hình thành nền kinh tế tri thức. Điều đó cũng có nghĩa là công nghệ thông tin đã đóng vai trò quan trọng trong việc làm cho môi trường kinh tế xã hội biến đổi tận gốc rễ, và ta đã nhận thức được rằng đã đến lúc ta phải tự biến đổi chính mình để có thể tồn tại được trong môi trường mới đó .

Môi trường ấy không còn có thể coi là tất định và ổn định, ta không còn có thể điều khiển nó theo những con đường vạch sẵn. Môi trường mới ấy chứa đầy những yếu tố biến động và bất định, là không ổn định và không tiên đoán được, có độ phức tạp ngoài năng lực điều khiển của các phương pháp truyền thống. Tuy nhiên , nói thế không có nghĩa là con người đành phó mặc cho môi trường đưa đẩy ...Tính phản xạ của các hệ thống kinh tế xã hội khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của sự tham gia tích cực của con người trong hệ thống đó. Hệ thống lớn, phức tạp,về tổng thể là không ổn định, nhưng không phải là không ổn định ở mọi lúc, mọi nơi mà thường có những trạng thái ổn định bộ phận và nó vận động giữa các trạng thái ổn định bộ phận đó một cách không tiên đoán được. Con người không đứng ngoài để vạch ra cho hệ thống những mục tiêu định sẵn, những kế hoạch chung cứng nhắc, mà

phải tự nhúng mình vào hệ thống, thích nghi với hệ thống, thu thập thông tin và tri thức để đánh giá tình hình và đưa ra giải pháp hành động (kể cả xác định mục tiêu và kế hoạch một cách cụ thể cho những yếu tố tạm thời ổn định), và vì mọi hiểu biết và hành động đều có thể sai, nên phải thường xuyên đánh giá lại tri thức cũ, giải pháp cũ để có hiểu biết mới, giải pháp mới cho tình hình đã thay đổi. (2)

Mô hình hai tốc độ là do thực trạng của nền kinh tế nước ta đặt trong bối cảnh của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế quy định. Không thể không thấy rằng, trong nền kinh tế của nhiều nước phát triển, tài nguyên thông tin ngày càng chiếm tỷ lệ rất cao so với các dạng tài nguyên truyền thống trong nền kinh tế hàng hóa công nghiệp, thì ở nước ta hiện nay, lao động nông nghiệp vẫn còn chiếm đến hơn 70% trong tổng số lao động của cả nước, hàng hóa xuất khẩu thì chủ yếu vẫn là sản phẩm thô: dầu thô, gạo, cà phê hạt, cao su, một số hàng dệt may và giày dép thì phần gia công của Việt Nam chỉ được hưởng từ 15% đến 20% trong tổng số. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta phải chờ để hoàn thành công nghiệp hóa đã rồi mới tính đến chuyện đi vào nền kinh tế tri thức. Nếu như vậy thì vĩnh viễn nước ta vẫn chỉ cam phận là nước lạc hậu, và nguy hiểm hơn nữa là không chỉ lạc hậu mà còn **lạc điệu** với sự phát triển của thế giới và có nguy cơ bị bỏ xa khỏi dòng chảy của phát triển. Trong báo cáo của Ủy Ban Liên hiệp về Khoa học Công nghệ vì Sự phát triển (1998) đã khuyến cáo: *Các nước đang phát triển từ những xuất phát điểm khác nhau đều cần xây dựng một kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia để phục vụ các mục tiêu phát triển, hướng tới một “xã hội tri thức” đổi mới; và dù cái giá phải trả cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đó là khá cao, nhưng cái giá phải trả cho việc không làm những cái đó chắc sẽ còn cao hơn rất nhiều.* Vì thế, tạo những điều kiện tốt nhất cho mọi tầng lớp cư dân, mọi doanh nghiệp, mọi viên chức Nhà nước...đều có thể tiếp nhận được những thông tin cập nhật là một yêu cầu cơ bản của sự phát triển. Bưng bít thông tin chính là sự mất dân chủ lớn nhất, là lực cản ghê gớm đến tính chủ động, sáng tạo trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, nghệ thuật... Và đó cũng là tự giam mình trong những bức tường của nghèo nàn và lạc hậu, tách mình khỏi dòng thác của thời đại.

Chính vì vậy, chiến lược phát triển của đất nước ta, không thể nào khác, phải là chiến lược dựa vào tri thức và thông tin, chiến lược đi tắt, đón đầu với những ngành kinh tế mũi nhọn trước hết là công nghệ tin học và viễn thông, công nghệ sinh học, công nghệ siêu vật liệu, công nghệ nano (nanotechnology). Điều quan trọng là đảm bảo được rằng, những ngành kinh tế mũi nhọn ấy không đứng tách biệt và vượt trội, chỉ là mấy ngành tự chúng mang lại hiệu quả cao và lợi ích nhiều, mà còn phải hơn thế, những ngành mũi nhọn đó phải là **động lực thúc đẩy** và **thâm nhập vào mọi lĩnh vực hoạt động** trên quy mô lan rộng cả nước, mang lại sự chuyển biến toàn diện, sâu sắc và mạnh mẽ của cả nền kinh tế, tác động trực tiếp và lâu bền đến sự phát triển xã hội.

Cũng không thể không lưu ý đặc biệt đến nông thôn nông nghiệp của Việt Nam đối diện với công nghệ tin học viễn thông, một tiền đề để tiếp cận với nền kinh tế tri thức. Cần nhắc lại rằng, mới gần đây người ta có nêu lên kinh nghiệm thành công tại một địa phương thuộc một nước Châu Phi rất kém phát triển, qua Internet nối mạng cho từng hộ gia đình nông dân với thị trường nhiều nước, thậm chí thị trường toàn cầu, đưa đến hiệu quả kinh tế cao và

những thay đổi sâu xa nhiều mặt. Tuy nhiên đây cũng chỉ mới là thành công còn rất cá biệt , trong một địa phương không lớn. Dù sao thì đó cũng là một gợi ý để suy nghĩ .

So với nông thôn những nước ở cùng một trình độ kinh tế, có lẽ nông thôn Việt Nam có một số thuận lợi :

-Nói chung cư dân nông thôn , trừ một số ở vùng sâu , vùng xa , miền núi giao thông khó khăn , đã được học hết bậc tiểu học .

-Nhiều chủ trang trại và chủ hộ gia đình nông dân, nhiều chủ nhiệm hợp tác xã...đang làm ăn phát đạt thì đã từng là những sĩ quan , những công chức Nhà nước , những người trẻ tuổi năng động, vốn đã từng đi nhiều nơi , học được nhiều điều , đầu óc tương đối cởi mở, lại có học vấn và trình độ văn hóa khá .

-Hệ thống điện thoại và viễn thông khá hiện đại và rộng lớn trong cả nước , hệ thống truyền hình đang phát triển khá mạnh ở nông thôn. (Song về máy tính và nối mạng internet thì còn quá ít)

-Từ thực tế cuộc sống, nhận thức và đòi hỏi của người nông dân Việt Nam không đến nỗi kém và đang tăng lên về sự cần thiết phải quan hệ với khu vực và thế giới trên nhiều mặt như công nghệ và quản lý sản xuất nông nghiệp ,chế biến nông sản, hiểu biết thị trường , tiếp thị thương mại v..v...

-Cùng với cả nước, nông thôn Việt Nam, mặc dù vẫn còn rất nhiều khó khăn , mức sống vẫn đang thấp , song vẫn đang trong tiến trình đổi mới , một tiến trình không thể nào đảo ngược được , không thể dừng lại , và vẫn theo xu thế mở rộng hơn , toàn diện hơn .

Chính đó là những thuận lợi , nói một cách khác , đó cũng là lợi thế cần khai thác , phát huy nhằm tạo thêm những tiền đề mới , từng bước đưa công nghệ tin học , viễn thông thâm nhập vào mọi hoạt động phát triển nông nghiệp , nông thôn , nâng cao trình độ của người nông dân Việt Nam , những người vốn đã từng gánh trên vai mình những sứ mệnh lịch sử lớn lao .

Hơn nữa , nếu bản chất của nền kinh tế tri thức thể hiện ở chỗ của cải vật chất có được chủ yếu từ sự nắm bắt những gì chưa biết , không phải từ những gì đã biết., môi trường lý tưởng để nuôi dưỡng những gì chưa biết chính là sự phát triển nhanh của việc ứng dụng công nghệ tin học, thì việc có ý thức chủ động đưa dần công nghệ tin học, viễn thông vào sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn là biểu hiện sự nhìn xa, trông rộng cần thiết chứ không phải là suy nghĩ viễn vông. Chúng ta không quan niệm việc hướng tới nền kinh tế tri thức đi liền với loại bỏ kinh tế cũ truyền thống, mà ngược lại, nếu trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, việc sử dụng công nghệ cao được đặc biệt chú trọng, và dần dần tiến đến đạt yêu cầu 70% sản phẩm có hàm lượng tri thức cao thì đó cũng là phương hướng tiến tới nền kinh tế tri thức trong hoàn cảnh của nước ta. Ngày nay công nghệ tin học viễn thông đã được ứng dụng rộng rãi để thiết lập các cơ sở dữ liệu và các kho thông tin phong phú trong mọi lĩnh vực , mọi cơ quan chỉ đạo và quản lý sản xuất , mọi doanh nghiệp. Chúng cũng đang được sử dụng tích cực để trợ giúp con người trong nhiều hoạt động trí tuệ, đặc biệt trong việc tìm kiếm và phát hiện tri thức để góp vào quyết định trong kinh doanh, sản xuất. Từ chỗ cung cấp được những thông tin và tri thức kịp thời mà làm tăng khả năng của con người cũng như các tổ chức trong việc phản ứng nhanh, linh hoạt, thích nghi một cách nhanh chóng và có thể tự thay đổi

trước những biến động khôn lường của môi trường. Điều này có ý nghĩa lớn đối với kinh tế nông nghiệp nước ta .

Nếu hiểu rằng giải pháp đột phá cho một chiến lược kinh tế dựa vào tri thức là **đổi mới cơ chế quản lý, phát huy mọi khả năng sáng tạo của người dân và chăm lo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài** thì việc mạnh dạn khai thác những thuận lợi nói trên để làm cho gần bốn phần năm dân số đang sống ở nông thôn tiếp cận được với những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ , đương nhiên là với những hình thức đơn giản nhất để rồi nâng cao dần dần , sẽ là một đường lối thể hiện tính nhân bản sâu sắc. Chính ở đây thể hiện khá tập trung khía cạnh văn hóa của sự hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động vận dụng xu thế toàn cầu hóa .

Trong quá trình điều chỉnh kinh tế, nếu phải thay thế, gạt bỏ những phương pháp sản xuất và công nghệ đã lỗi thời thì ít ai cảm thấy đau xót về việc đó. Nhưng về văn hóa, người ta dễ nhớ tiếc các truyền thống bị mất đi , nuối tiếc lối sống cũ.

Toàn cầu hóa thực ra có ý nghĩa là thay đổi cách thức mà mọi việc làm trong nước . Nhập khẩu hàng nước ngoài không chỉ tác động đến các nhà sản xuất trong nước , mà còn thay đổi quan niệm của người tiêu dùng về chất lượng, giá cả , thậm chí lối sống. Điều người ta lo ngại là sức mạnh áp đảo của văn hóa và lối sống phương Tây có khả năng phá hoại các lối sống và phong tục truyền thống của các nước . Những ai quan tâm đến giá trị truyền thống và văn hóa bản địa đều cảm thấy đó là một mối đe dọa nghiêm trọng .

Tuy nhiên , dù mỗi nền văn hóa đều có nét độc đáo riêng thì vẫn cần có sự tinh tế để hiểu rằng , chịu ảnh hưởng của giao lưu văn hóa là không có gì đáng xấu hổ cả và mỗi nước đều có khả năng cơ bản là hưởng thụ sản phẩm của các nền văn hóa khác. Những người lo sợ về nguy cơ “lật đổ về văn hóa” đã đánh giá thấp sức mạnh của của các nền văn hóa bản địa và đánh giá thấp việc chúng ta có khả năng học tập các nước mà không bị tiến trình đó áp đảo . Cho dù mỗi nền văn hóa đều có nét độc đáo riêng, cần lưu ý rằng không thể có chủ nghĩa biệt lập về văn hóa. Không nên có tham vọng bảo tồn triệt để tính thuần túy của văn hóa dân tộc hoặc khu vực. Các dân tộc có những nền văn hóa khác nhau vẫn có thể chia sẻ nhiều giá trị chung và đồng ý về một số cam kết chung (9) .

Nói như thế không có nghĩa là không cảnh giác với những ảnh hưởng độc hại của thứ văn hóa lai căng, đồi trụy, đánh vào thị hiếu tiêu dùng tầm thường của một bộ phận công chúng kém hiểu biết , đặc biệt là trong lớp trẻ. Vì thế, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc , tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của thế giới để làm giàu có thêm, nâng cao hơn truyền thống văn hóa dân tộc , gắn chặt truyền thống và hiện đại , đến hiện đại từ truyền thống, bổ sung truyền thống mới để có thể đi vào thế giới mới với phong cách riêng của mình , góp cái riêng của dân tộc mình vào cái chung của thế giới. Đó cũng là nội dung của thái độ chủ động vận dụng xu thế của toàn cầu hóa .

Tôi muốn mượn lời của đại thi hào Ấn Độ, Rabindranath Tagore, để kết thúc bản báo cáo về chủ đề toàn cầu hóa này :

” Tất cả những sản phẩm của con người mà chúng ta hiểu được và hưởng thụ được đều trở thành của chúng ta, bất kể xuất xứ của chúng . Tôi tự hào về nhân loại của tôi,

khi tôi có thể công nhận thi sĩ và nghệ sĩ các nước khác như là của mình. Tôi vui mừng vô bờ bến rằng mọi vinh quang vĩ đại của con người đều thuộc về tôi.

28.6.2000

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1 Việt Phương. “Một số điều suy nghĩ về thế kỷ 20 và vài thập niên đầu thế kỷ 21.”

“ Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế “. 2/9/1999

2. Phan Đình Diệu :” Tri thức là gì ?” , “Xã hội tri thức và vài suy nghĩ về con đường

hội nhập của chúng ta “.Tạp chí Xã hội học . số 4.1998 và số 2.1999

3. Hoàng Tụy :Kiến nghị về Phương pháp luận xây dựng Chiến lược Kinh tế Xã hội 1989 “Khi con người Việt Nam đi vào thời đại văn minh trí tuệ ” .” Tuổi Trẻ ”

24.6.2000.

- 4. Trần Quốc Hùng :**”Nền kinh tế mới toàn cầu hóa . Cơ hội và thử thách đối với các nước đang phát triển . 5.2000
- 5.Đặng Hữu :**”Cuộc cách mạng khoa học –Công nghệ hiện đại và sự xuất hiện nền kinh tế tri thức “.“Tranh thủ thời cơ để đi tắt vào nền kinh tế tri thức “ “TIA SÁNG” 6.2000
- 6. Chu Hảo “ Tên gọi nào cho nền kinh tế mới “’TIA SÁNG 6.2000**
- 7. Vũ Quang Việt :**”Cơ sở triết lý và kinh tế chính trị của sở hữu :ý nghĩa của sở hữu trí tuệ đối với nền kinh tế mới .3.2000
- 8 Tương Lai “Những vấn đề của sự phát triển ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế khu vực và thế giới. Tham luận tại Hội thảo khoa học ”Về Phát triển xã hội ở các nước ASEAN tại Đại học Waseda , Tokyo tháng 3 năm 2000**
- 9. Amartya Sen . “Phát triển là tự do “ 1999**
- 10. UNDP Human Development Report, New York 1999**
- 11.Peter F.Drucker. “Post-capitalist society.Harper Business 1993**
- 12.Lester C.Thurow “The future of capitalism “Penguin Books.1997**